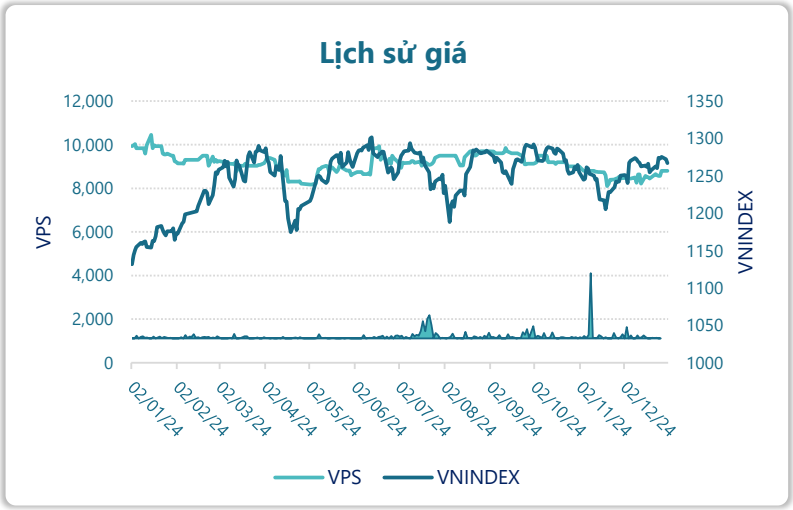
FireAnt

CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam (HSX: VPS)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,449
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	24,460,792
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,310
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	215
P/E	9.0
EPS	973

DT thuần

Q4/24

217

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.0| 31.5%

YoY: ▲ 16.0| 7.9%

LN sau thuế

Q4/24

14.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.17| 75.6%

YoY: ▲ 4.10| 40.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.8%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

2024

586

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.0| 10.6%

LN sau thuế

2024

24.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.5| 73.4%

ROE

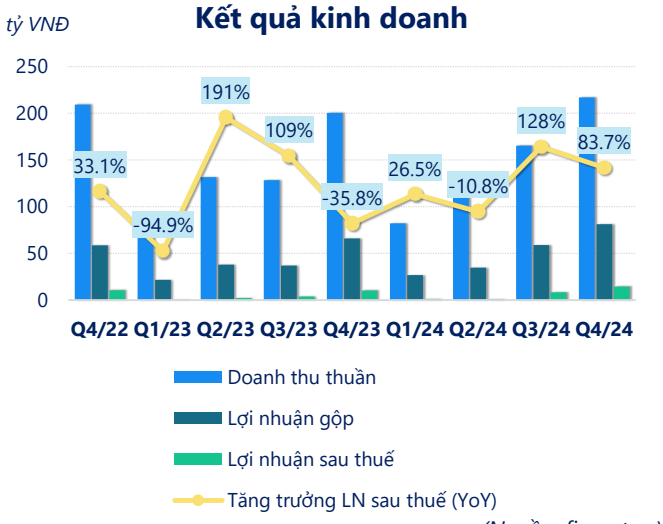
2024

7.0%

+/- YoY: ▲ 3.0%

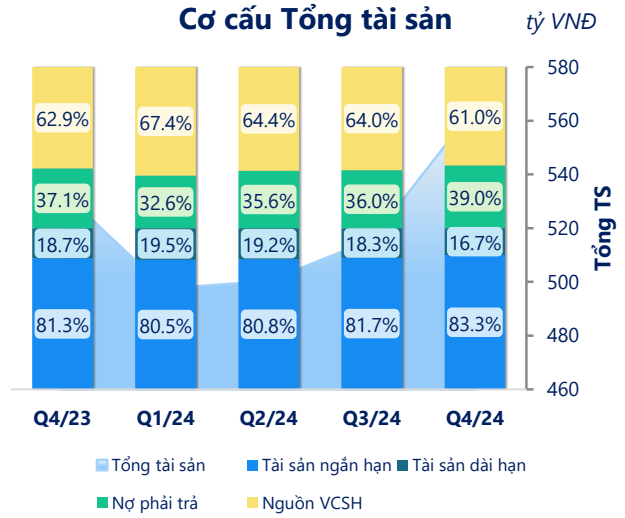
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



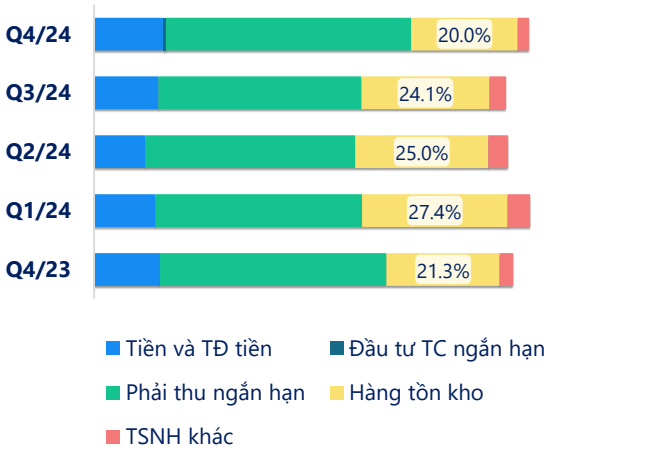
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



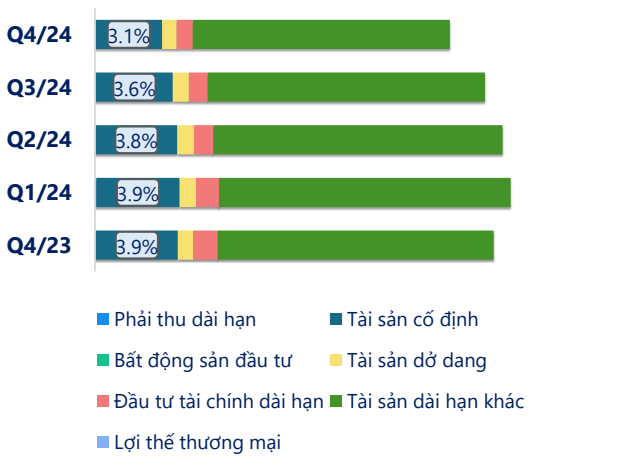
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



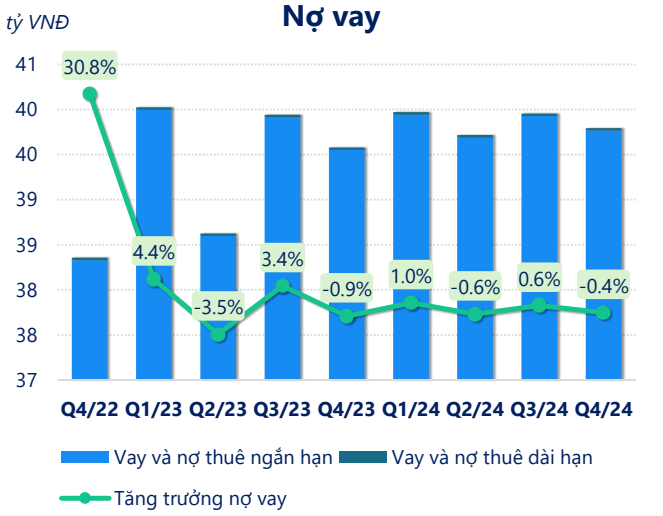
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



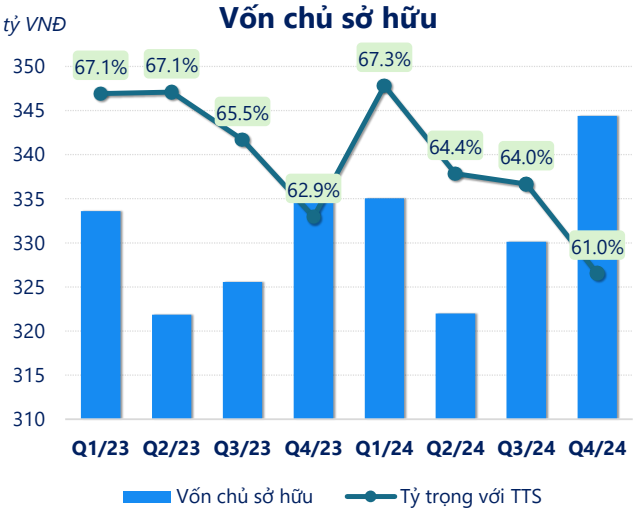
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



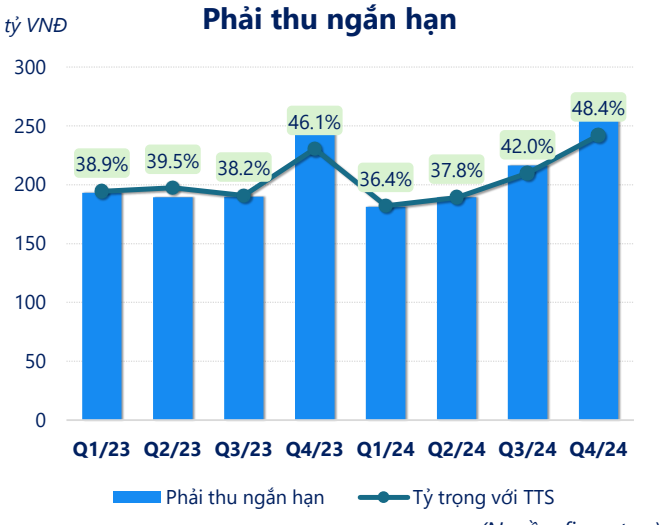
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



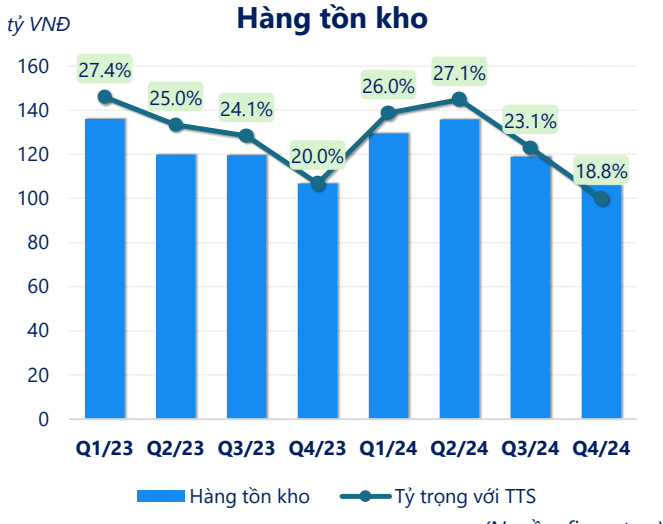
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



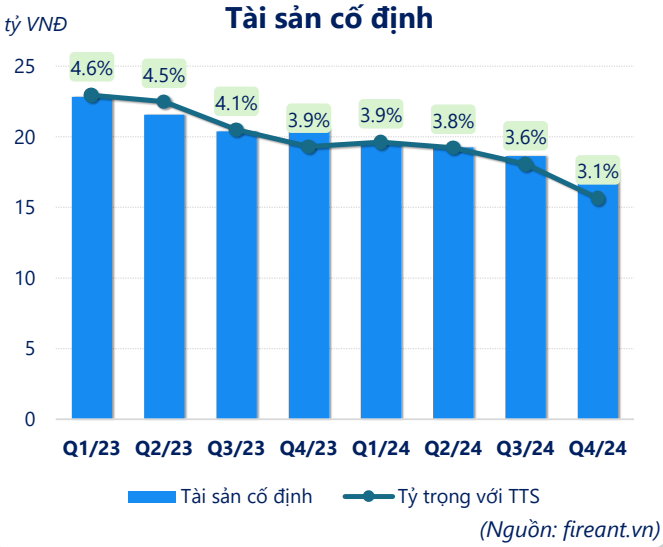
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



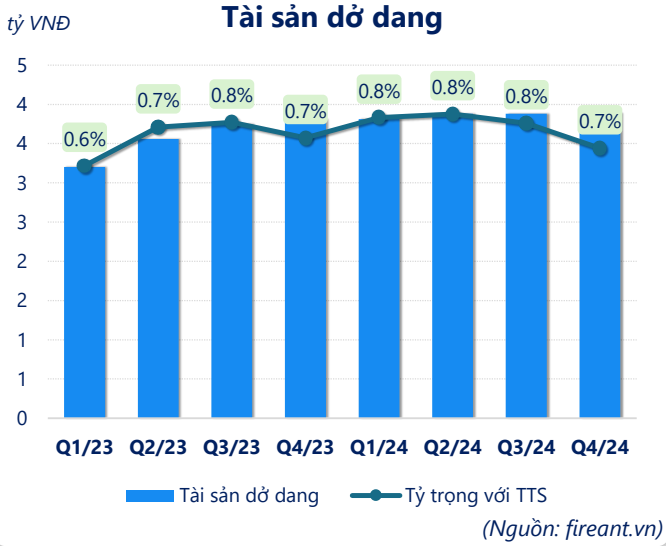
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



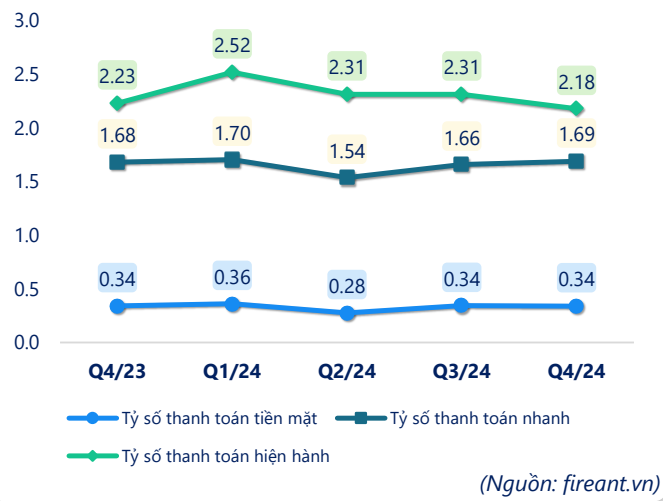
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



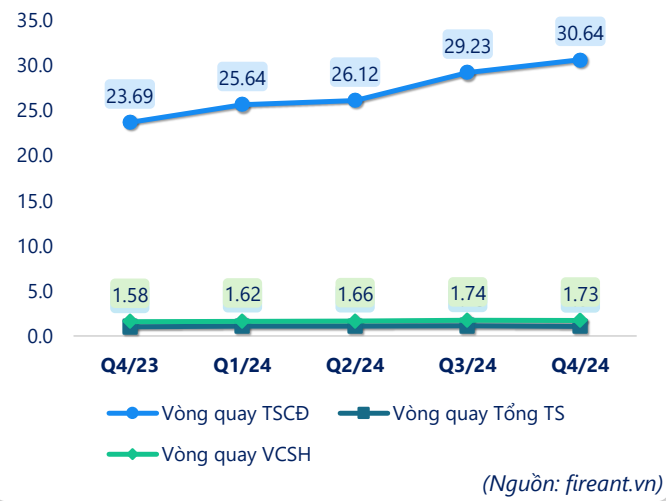
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**534**	**498**	**500**	**516**	**565**
Tài sản ngắn hạn	**434**	**400**	**404**	**421**	**471**
Tiền và tương đương tiền	66.2	57.4	48.2	62.4	73.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.00	11.3	11.3	8.00	8.00
Phải thu ngắn hạn	246	181	189	216	273
Hàng tồn kho	107	129	136	119	106
Tài sản ngắn hạn khác	11.5	20.9	19.9	15.4	10.0
Tài sản dài hạn	**100.0**	**97.2**	**95.9**	**94.6**	**94.2**
Phải thu dài hạn	0.21	0.31	0.14	0.26	0.16
Tài sản cố định	20.6	19.5	19.2	18.6	17.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.81	3.81	3.88	3.88	3.89
Đầu tư tài chính dài hạn	6.18	5.36	4.57	4.57	4.28
Tài sản dài hạn khác	69.2	68.2	68.1	67.2	68.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**198**	**162**	**178**	**186**	**220**
Nợ ngắn hạn	**195**	**159**	**175**	**182**	**216**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.6	39.9	39.7	39.9	39.8
Phải trả người bán ngắn hạn	92.3	78.8	80.8	79.3	96.0
Nợ dài hạn	3.33	3.33	3.33	3.33	4.29
Vay và nợ thuê dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Nguồn vốn chủ sở hữu	**336**	**335**	**322**	**330**	**345**
Vốn chủ sở hữu	**336**	**335**	**322**	**330**	**344**
Vốn điều lệ	245	245	245	245	245
Kinh phí và quỹ khác	0.13	0.13	0.13	0.13	0.13

(Nguồn: fireant.vn)